

ỨNG DỤNG CỦA KÝ HIỆU PHÂN LOẠI TRONG MỘT SỐ LĨNH VỰC

TS Đoàn Thị Thu

Khoa Thư viện-Thông tin học, Trường Đại học KHXH&NV, ĐHQG Tp. HCM

Tóm tắt: Phân loại là hoạt động phân chia, sắp xếp các sự vật, hiện tượng hoặc thông tin theo một trật tự có hệ thống. Phân loại tài liệu là một môn học trong chương trình đào tạo ngành Thông tin-Thư viện và ngành Quản lý thông tin của Trường Đại học Khoa học xã hội và Nhân văn, Đại học Quốc gia Tp. Hồ Chí Minh. Để giúp người học có cái nhìn đa ngành khi tiếp nhận một kiến thức mới, bài viết sử dụng phương pháp nghiên cứu khám phá nhằm tìm hiểu việc sử dụng ký hiệu phân loại trong một số lĩnh vực. Bài viết chỉ ra vị trí, ý nghĩa, tài liệu hướng dẫn và cấu trúc của một số ký hiệu phân loại phổ biến trong đời sống bao gồm: ký hiệu phân loại sách trong lĩnh vực thông tin-thư viện, mã thẻ căn cước trong lĩnh vực an ninh-trật tự, mã thẻ bảo hiểm y tế trong lĩnh vực y tế và mã bưu chính quốc gia trong lĩnh vực bưu chính viễn thông. Trên cơ sở đó, đối sánh về ký hiệu cũng như cơ sở tạo lập ký hiệu phân loại giữa lĩnh vực thông tin-thư viện với các lĩnh vực khác cũng được trình bày trong bài viết.

Từ khóa: Ký hiệu phân loại; tài liệu; thẻ căn cước; thẻ bảo hiểm y tế; mã bưu chính quốc gia.

APPLICATION OF CLASSIFICATION SYMBOLS IN SOME FIELDS

Abstract: Classification is the activity of dividing and arranging objects, phenomena or information in a systematic order. Document classification is a subject in the training program of Information-Library and Information Management of the University of Social Sciences and Humanities, Vietnam National University, Ho Chi Minh City. To help learners have a multidisciplinary perspective when acquiring new knowledge, the article uses the exploratory research method to study the use of classification symbols in a number of fields. The article points out the location, meaning, guidance documents and structure of some common classification symbols in life including: book classification symbols in the field of information-library, ID card codes in the field of Security-Order, health insurance card codes in the field of Health and national postal codes in the field of Posts and Telecommunications. On that basis, the comparison of symbols as well as the basis for creating classification symbols between the information-library field and other fields is also presented in the article.

Keywords: Classification symbols; documents; identity cards; health insurance cards; national postal codes.

ĐẶT VẤN ĐỀ

Phân loại tài liệu là môn học bắt buộc trong chương trình đào tạo cử nhân ngành thông tin-thư viện (TT-TV), Trường Đại học Khoa học xã hội và Nhân văn, Đại học Quốc gia Tp. Hồ Chí Minh. Một trong các chuẩn đầu ra của môn học là người học phải thực hiện định ký hiệu phân loại (KHPL) cho các tài liệu trong thư viện. Đồng thời, đây cũng là một trong các nội dung nằm trong chuỗi các môn học về xử lý thông tin thuộc ngành Quản lý thông tin của

Trường. Tuy nhiên, do mục tiêu của chương trình đào tạo ngành Quản lý thông tin là cung cấp nhân sự hoạt động trong các tổ chức và doanh nghiệp, nên đối tượng xử lý mà ngành học hướng tới không chỉ gồm các tài liệu (trong thư viện) mà còn mở rộng ra các hồ sơ, tài liệu trong các lĩnh vực khác. Điều này đòi hỏi người học ngoài việc tìm hiểu công tác xử lý tài liệu nói chung, phân loại tài liệu nói riêng trong ngành thư viện, cần phải tìm hiểu công tác xử lý tài liệu trong các lĩnh vực khác.

Để giúp sinh viên hiểu rõ về phân loại cũng như sự đa dạng trong việc sử dụng KHPL trong các lĩnh vực khác nhau, bài viết trình bày vị trí, vai trò và cấu trúc của KHPL trong một số lĩnh vực bao gồm: TT-TV, an ninh và trật tự xã hội, y tế, bưu chính viễn thông. Bên cạnh đó, bài viết cũng cung cấp những tài liệu hướng dẫn tạo lập KHPL trong từng lĩnh vực, phân tích một số ví dụ để làm rõ cách tạo lập các KHPL này. Cuối cùng, bảng tổng hợp KHPL trong một số lĩnh vực được cung cấp nhằm đối sánh cấu trúc của KHPL trong lĩnh vực TT-TV với một số lĩnh vực khác.

1. PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

Bài viết sử dụng phương pháp nghiên cứu khám phá (Exploratory research) nhằm mục đích tìm hiểu việc sử dụng KHPL trong một số lĩnh vực, đồng thời xem xét cơ sở tạo lập KHPL đó. Để thực hiện nghiên cứu, tác giả thực hiện các bước sau:

Bước 1: Quan sát các sản phẩm/hồ sơ/tài liệu,... (gọi chung là tài liệu) trong cuộc sống có chứa các ký hiệu giống KHPL.

Bước 2: Tìm hiểu tài liệu để xác định ý nghĩa và cấu trúc của các ký hiệu xuất hiện trên tài liệu. Các tài liệu được tìm kiếm bao

gồm: luật, các văn bản pháp quy, tài liệu hướng dẫn của các cơ quan quản lý thuộc lĩnh vực được tìm hiểu.

Bước 3: Phân tích và đối sánh các ký hiệu (trên tài liệu) với các tài liệu hướng dẫn/quy định trong lĩnh vực đó để kiểm chứng độ chính xác giữa KHPL với các tài liệu hướng dẫn.

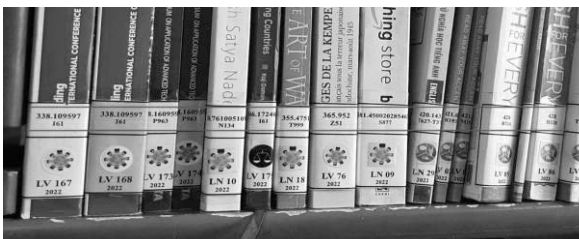
Bước 4: Đối sánh KHPL giữa lĩnh vực thư viện với các KHPL trong một số lĩnh vực về mặt cấu trúc và cơ sở tạo lập KHPL.

2. KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU

2.1. Ký hiệu phân loại sách trong lĩnh vực thư viện

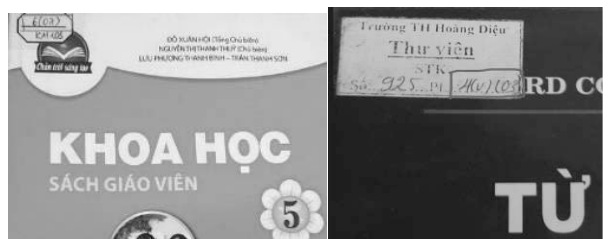
Trong lĩnh vực thư viện, phân loại tài liệu là một hoạt động nghiệp vụ mang tính chất bắt buộc. Đây là một trong các tiêu chí đánh giá và xếp loại thư viện. Tài liệu trong thư viện rất đa dạng nên mục đích ban đầu của việc phân loại nhằm giúp thư viện phân chia tài liệu theo các loại hình như: sách, báo, tạp chí, tài liệu điện tử,... Tiếp đến, các tài liệu đều cần được tạo lập KHPL để phân chia theo từng nhóm nội dung/lĩnh vực khoa học.

Về vị trí: tùy theo quy định của thư viện mà KHPL có thể được xuất hiện ở nhãn gáy sách (Hình 1) hoặc xuất hiện trên nhãn dán ở mặt trước sách (Hình 2), hoặc bao gồm cả hai.



Hình 1. KHPL trên nhãn gáy sách tại Thư viện KHTH Tp. Hồ Chí Minh

Về ý nghĩa: việc tạo lập KHPL cho tài liệu thư viện nhằm mục đích tổ chức kho tài liệu theo hình thức mở - cho phép người sử dụng trực tiếp vào kho và tìm kiếm tài liệu. Cụ thể, các tài liệu được sắp xếp theo thứ tự tăng dần của KHPL (Hình 1). Những tài liệu có KHPL giống nhau (cùng nội dung) sẽ nằm cạnh nhau trên kệ. Khi có nhu cầu tìm kiếm tài liệu trong thư viện, người sử dụng có thể dựa vào lĩnh vực khoa học để xác định vị trí tài liệu



Hình 2. KHPL trên nhãn ở mặt trước sách (tác giả sưu tầm)

(dựa vào bảng chỉ dẫn ở đầu mỗi kệ) và lựa chọn các tài liệu có liên quan hoặc dựa vào KHPL của tài liệu cần tìm (được cung cấp trên phần mềm quản lý thư viện) để xác định vị trí của tài liệu.

Về tài liệu hướng dẫn: việc phân loại tài liệu trong thư viện được quy định tại một số văn bản tài liệu sau:

- Khoản 1, Điều 26 Luật Thư viện số 46/2019/QH14, quy định các thư viện phải

thực hiện xử lý nguồn tài nguyên thông tin theo quy trình nghiệp vụ [Quốc hội, 2019].

- Mục c, Khoản 2, Điều 5 Thông tư số 18/2014/TT-BVHTTDL quy định tài liệu bổ sung vào thư viện phải được định chỉ số phân loại [Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch, 2014].

- Các giáo trình về phân loại tài liệu được sử dụng trong các chương trình đào tạo cử nhân ngành TT-TV tại các cơ sở đào tạo trong cả nước. Trong các chương trình đào tạo ngành TT-TV ở Việt Nam đều có môn học về phân loại tài liệu.

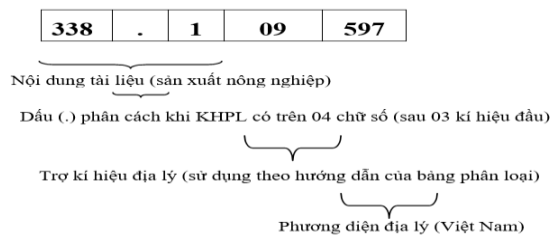
- Phần hướng dẫn sử dụng trong các bảng/khung phân loại tài liệu được các thư viện sử dụng. Trong lĩnh vực thư viện có rất nhiều các bảng/khung phân loại như: Khung phân loại thập phân Dewey (Dewey Decimal Classification-DDC), Bảng phân loại thập phân bách khoa (Universal Decimal Classification-UDC), Bảng phân loại thư viện Quốc hội Mỹ (Library of Congress Classification-LCC), Bảng phân loại dành cho thư viện trường phổ thông (tiền thân là bảng phân loại 19 lớp),... Mỗi bảng/khung phân loại này sẽ phân chia tri thức nhân loại thành nhiều lớp/ môn loại khác nhau. Đồng thời, mỗi bảng/khung phân loại cũng sử dụng KHPL khác nhau.

Về cấu trúc: bài viết phân tích KHPL ở Hình 1 và 2 để làm rõ cấu trúc của KHPL.

Hình 1, trên gáy mỗi tài liệu đều được gắn một KHPL như: 338.109597, 365.952, 428,... Như vậy, KHPL của các tài liệu có độ dài khác nhau nhưng đều gồm các số tự nhiên và gồm một dấu chấm (.) sau ba số đầu tiên khi KHPL có hơn ba kí hiệu. Đây là KHPL được tạo lập từ khung phân loại thập phân Dewey. Để hiểu tại sao KHPL có độ ngắn dài khác nhau, tác giả phân tích cách tạo lập của hai KHPL gồm 338.109597 và 428. Tác giả sử dụng Khung phân loại thập phân Dewey ấn bản 23 để tìm hiểu về ý nghĩa của hai KHPL này.

KHPL 428 là ký hiệu thể hiện tài liệu hướng dẫn sử dụng tiếng Anh chuẩn và được quy định sẵn trong bảng chính của Khung phân loại thập phân Dewey.

KHPL 338.109597 được kết hợp từ các ký hiệu ở Hình 3 dưới đây:



Hình 3. Phân tích cấu tạo của KHPL sách (338.109597)

KHPL 338.109597 cho biết tài liệu viết về sản xuất nông nghiệp tại Việt Nam và tạo lập bằng cách kết hợp nội dung tài liệu (sản xuất nông nghiệp-338.1) và phương diện địa lý (Việt Nam-597). Kí hiệu (09) kết nối giữa phần nội dung và phương diện địa lý và dấu chấm (.) được thêm vào KHPL theo hướng dẫn của khung phân loại Dewey. Dấu chấm (.) không có ý nghĩa về mặt toán học mà chỉ nhằm phá vỡ sự đơn điệu của các số và chỉ được sử dụng một lần cho mỗi KHPL [Melvil Dewey, 2013].

Hình 2 gồm KHPL 6(07) và 4(V)(03). Đây là hai KHPL được tạo lập từ Bảng phân loại dành cho các thư viện trường phổ thông. Tương tự như KHPL ở Hình 1, độ ngắn dài của hai KHPL ở Hình 2 phụ thuộc vào nội dung cũng như phương diện nghiên cứu của từng tài liệu. Cụ thể: KHPL 6(07) cho biết đây là tài liệu hướng dẫn giảng dạy kĩ thuật các môn; KHPL 4(V)(03) thể hiện từ điển tiếng Việt [Vũ Bá Hòa và các tác giả, 2013].

Như vậy, có thể thấy KHPL đối với sách trong các thư viện rất đa dạng, có KHPL đồng nhất (chỉ sử dụng chữ số), có KHPL hỗn hợp (kết hợp cả chữ cái và chữ số). Bên cạnh đó, một số KHPL còn sử dụng thêm các ký hiệu bổ trợ như dấu chấm (.) hoặc dấu ngoặc đơn (). Sự đa dạng trong các KHPL này là do bảng/khung phân loại quy định. Theo đó, mỗi thư viện, tùy vào nhu cầu của mình sẽ lựa chọn một bảng/khung phân loại và sử dụng thống nhất trong việc phân loại các tài liệu trong thư viện. Tuy khác nhau về ký hiệu cũng như các quy ước, nhưng nhìn chung các KHPL đối với tài liệu trong thư viện đều thống nhất ở việc lấy nội dung (môn loại) tài liệu làm cơ sở chính để xác lập KHPL, các phương diện nghiên cứu

như địa lý, hình thức của tài liệu sẽ được xem xét, bổ sung thêm vào ký hiệu chính đó.

2.2. Ký hiệu phân loại trên thẻ căn cước

Thẻ căn cước là một loại giấy tờ tùy thân bắt buộc đối với công dân Việt Nam trên 14 tuổi, được cấp bởi cơ quan công an, chứa các thông tin cơ bản để xác định nhân thân, lai lịch, nhận dạng sinh trắc học và các thông tin

khác đã được tích hợp vào thẻ căn cước của công dân Việt Nam [Quốc hội, 2023]. Trên mỗi thẻ căn cước đều có một số định danh (còn gọi là số thẻ căn cước) duy nhất, không lặp lại ở người khác.

Về vị trí: số thẻ căn cước là một dãy số gồm 12 chữ số nằm ở dòng đầu tiên trên thẻ căn cước (Hình 4).



Hình 4. Mô phỏng cấu trúc số định danh trên thẻ căn cước (tác giả sưu tầm)

Số thẻ căn cước được tạo lập dựa trên các thông tin của cá nhân bao gồm: họ tên, ngày tháng năm sinh, giới tính, nơi đăng ký khai sinh, nơi sinh, quê quán, dân tộc, quốc tịch,... (Điều 11, Nghị định 70/2024) [Chính phủ, 2024].

Về ý nghĩa: thẻ căn cước không chỉ là tài liệu định danh cho cá nhân mà còn được sử dụng khi thực hiện các thủ tục hành chính, thủ tục trên dịch vụ công, các giao dịch có yêu cầu thẻ căn cước trên lãnh thổ Việt Nam. Do số định danh trên mỗi thẻ căn cước là duy nhất, không trùng lặp với bất cứ người nào khác nên số định danh trên thẻ căn cước được xem là KHPL công dân trên lãnh thổ Việt Nam.

Về tài liệu hướng dẫn: việc tạo lập số định danh trên thẻ căn cước được quy định tại các văn bản pháp quy sau:

- Luật Căn cước số 23/2023/QH15 do Quốc hội ban hành ngày 27/11/2023.
- Nghị định số 70/NĐ/2024/NĐ-CP do Chính phủ ban hành ngày 25/6/2024 quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Căn cước.
- Thông tư số 07/2016/TT-BCA do Bộ Công an ban hành ngày 01/02/2016 quy định chi tiết một số điều của Luật Căn cước công dân và Nghị định số 137/2015/NĐ-CP ngày 31/12/2015, quy định chi tiết một số điều và

biện pháp thi hành Luật Căn cước công dân.

Về cấu trúc: số thẻ căn cước gồm bốn nhóm nhỏ bao gồm: (1) mã tỉnh, thành phố thuộc quốc gia nơi đăng ký khai sinh; (2) mã giới tính; (3) mã năm sinh và (4) sáu số ngẫu nhiên. Đây là dạng KHPL đồng nhất vì ký tự chỉ bao gồm các số tự nhiên. Các mã số này cũng được quy định chi tiết trong các phụ lục đính kèm Thông tư số 07/2016/TT-BCA.

Để bạn đọc hiểu rõ hơn về cách tạo lập KHPL là mã số định danh trên thẻ căn cước, tác giả phân tích số thẻ căn cước ở Hình 4.

Với mã số định danh là 087084000999 có thể tách làm bốn nhóm sau:

- 087: là mã tỉnh Đồng Tháp (dựa vào Phụ lục 1, Thông tư số 07/2016/TT-BCA) [Bộ Công an, 2016].
- 0 thể hiện giới tính Nam, sinh tại thế kỷ 20 (dựa vào Phụ lục 3, Thông tư số 07/2016/TT-BCA) [Bộ Công an, 2016].
- 84: mã năm sinh (hai số cuối của năm sinh, quy định tại Phụ lục 3, Thông tư số 07/2016/TT-BCA) [Bộ Công an, 2016].
- 000999: là dãy số ngẫu nhiên.

Tóm lại, số định danh trên thẻ căn cước có thể được xem là KHPL của thẻ căn cước. Đây là KHPL thuộc dạng đồng nhất do chỉ sử dụng ký tự là chữ số. Các con số trong KHPL này

được quy ước cụ thể trong các phụ lục đính kèm Thông tư số 07/2016/TT-BCA. Trong KHPL này chỉ sử dụng duy nhất các chữ số, không có các ký hiệu bổ sung như KHPL đối với tài liệu trong thư viện.

2.3. Mã số trên bảo hiểm y tế

Bảo hiểm y tế (BHYT) là hình thức bảo hiểm được áp dụng trong lĩnh vực chăm sóc sức khỏe, không vì mục đích lợi nhuận [Quốc hội, 2008]. Đây là loại bảo hiểm do Nhà nước tổ chức thực hiện, được thể chế hóa bằng Luật BHYT. Tại Điều 12, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật BHYT có quy định chi tiết 26 nhóm đối tượng tham gia BHYT với hai hình thức: bắt buộc và tự nguyện [Quốc hội, 2024]. Trên mỗi thẻ BHYT đều có ghi một mã số duy nhất của người tham gia BHYT. Do vậy, mã số này có thể được xem như là KHPL để phân biệt các cá nhân tham gia BHYT.

Về vị trí: mã số BHYT được in ở dòng đầu tiên trên thẻ BHYT áp dụng đối với cả mẫu thẻ BHYT cũ - phát hành trước 01/4/2021 (Hình 5) và mẫu thẻ BHYT mới - phát hành từ sau ngày 01/4/2021 (Hình 6).

Về ý nghĩa: mã số ghi trên thẻ BHYT nhằm mục đích phân loại, thống kê đối tượng tham gia BHYT; đồng thời xác định quyền lợi của người tham gia BHYT khi khám bệnh, chữa bệnh [Bảo hiểm Xã hội Việt Nam, 2015a].

Về tài liệu hướng dẫn: việc tạo lập mã số thẻ BHYT được quy định tại các văn bản pháp quy sau:

- Luật BHYT số 25/2008/QH12 do Quốc hội ban hành ngày 14/11/2008.
- Luật số 52/2024 /QH15 do Quốc hội ban hành ngày 27/11/2024 về sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật BHYT.
- Quyết định số 1351/QĐ-BHXH do Bảo hiểm Xã hội Việt Nam ban hành ngày 16/11/2015 về việc ban hành mã ghi trên thẻ BHYT.
- Quyết định số 1666/QĐ-BHXH do Bảo hiểm Xã hội Việt Nam ban hành ngày 03/12/2020 về việc ban hành mẫu thẻ BHYT.
- Quyết định số 124/2004/QĐ-TTg ban hành ngày 08/7/2004 về bảng danh mục và mã số các đơn vị hành chính Việt Nam.

Về cấu trúc: Hiện nay, tại Việt Nam đang tồn tại hai mẫu thẻ BHYT với quy ước mã số

khác nhau. Cụ thể: mã thẻ BHYT mẫu cũ (trước ngày 01/4/2021) gồm 15 ký tự [Bảo hiểm Xã hội Việt Nam, 2015b]; mã thẻ BHYT mới (sau ngày 01/4/2021) chỉ gồm 10 ký tự [Bảo hiểm Xã hội Việt Nam, 2020]. Tuy nhiên, trong thời gian chờ đổi thẻ BHYT theo mẫu mới, thẻ BHYT cấp cho người tham gia BHYT còn hạn sử dụng vẫn tiếp tục được sử dụng [Bảo hiểm Xã hội Việt Nam, 2015b]. Cấu trúc mã số (đồng thời là KHPL) của cả hai mẫu thẻ BHYT được quy định như sau:

- Hai ký tự đầu (ô số 1): ký hiệu bằng hai chữ (theo bảng chữ cái Latinh), là mã đối tượng tham gia BHYT.

- Ký tự tiếp theo (ô số 2): ký hiệu bằng số (theo số thứ tự từ 1 đến 5), là mức hưởng BHYT.

- Hai ký tự tiếp theo (ô số 3): ký hiệu bằng số (từ 01 đến 99), là mã tỉnh/thành phố trực thuộc Trung ương, nơi phát hành thẻ BHYT.

- Mười ký tự cuối cùng (ô số 4): số định danh cá nhân của người tham gia BHYT.

Hình 5 là ảnh chụp mẫu thẻ BHYT cũ với mã số thẻ BHYT là:

HC	4	79	011107XXXX
----	---	----	------------

Trong đó:

HC: chỉ đối tượng tham gia BHYT là cán bộ, viên chức, công chức (Điều 2, Quyết định 1351/QĐ-BHXH) [Bảo hiểm Xã hội Việt Nam, 2015a].

4: chỉ mức độ hưởng BHYT - 80% chi phí khám chữa bệnh (Điều 2, 1351/QĐ-BHXH) [Bảo hiểm Xã hội Việt Nam, 2015a].

79: Tp. Hồ Chí Minh là nơi cấp phát thẻ BHYT (Quyết định 124/2004/QĐ-TTg) [Thủ tướng Chính phủ, 2004].

011107XXXX: là số định danh cá nhân của người tham gia BHYT.

Đối với mẫu thẻ BHYT mới (sau ngày 01/4/2021), mã số thẻ BHYT thay đổi chỉ còn 10 ký tự [Bảo hiểm Xã hội Việt Nam, 2020] thể hiện số định danh của người tham gia BHYT (giống ô số 4 trong mẫu thẻ BHYT cũ).

Để thuận tiện trong việc đối sánh, tác giả cung cấp mẫu thẻ BHYT cũ (Hình 5) và mẫu thẻ BHYT mới (Hình 6) của cùng một mã số. Có thể thấy, mã số BHYT theo mẫu mới chính là kí tự trong ô thứ 4 của mã BHYT theo mẫu

cũ, đều thể hiện số định danh của người tham gia BHYT. Các ký tự khác gồm: mức độ hưởng BHYT ở ô thứ 2 trong mẫu thẻ cũ (ký tự “4” - Hình 5) đã được chuyển xuống sau mục giới tính (Hình 6); mã tỉnh/thành phố trực



Hình 5. Ảnh chụp thẻ BHYT với mã số gồm 15 ký tự (cấp trước ngày 01/4/2024)

Như vậy, KHPL của mã số thẻ BHYT đã có sự thay đổi giữa mẫu thẻ BHYT cũ (chữ cái + chữ số) và mẫu thẻ BHYT mới (chữ số). Đồng thời, KHPL thẻ BHYT mới tuy được rút gọn (chỉ bao gồm 10 chữ số thể hiện số định danh của người tham gia BHYT) nhưng các ký hiệu thể hiện mã hưởng (cột 2) và mã tỉnh/thành phố trực thuộc Trung ương - nơi phát hành thẻ BHYT (cột 3 trong mẫu thẻ cũ) đều được xuất hiện ở vị trí khác trên thẻ BHYT. Việc tạo lập KHPL trong mã số thẻ BHYT được quy định cụ thể trong Quyết định số 1351/QĐ-BHXH và Quyết định số 124/2004/QĐ-TTg. Về cấu trúc và cách tạo lập KHPL trong mã số thẻ BHYT khá tương đồng với KHPL trong mã số định danh trên thẻ căn cước và không sử dụng các ký hiệu bổ trợ như KHPL sách trong lĩnh vực thư viện.

2.4. Mã bưu chính quốc gia

Mã bưu chính có thể được gọi bằng các tên khác như: mã bưu điện, Post code, Zip code, Zip posta code. Đây là chuỗi ký tự được quy định bởi Liên hiệp Bưu chính Thế giới, dùng để xác định một khu vực địa lý cụ thể trong hệ thống phân phối thư và bưu phẩm [Tổng công ty Cổ phần Bưu chính Viễn thông Viettel, 2024]. Điều 18, Luật Bưu chính khuyến khích tổ chức/cá nhân tham gia hoạt động bưu chính áp dụng mã bưu chính quốc gia để nâng cao chất lượng dịch vụ bưu chính

thuộc Trung ương, nơi phát hành thẻ BHYT đều được in ở mục “mã” ở cả hai mẫu thẻ; riêng đối với ký tự chữ cái thể hiện đối tượng tham gia BHYT (ô số 1, mẫu thẻ cũ) không còn xuất hiện trong mẫu thẻ mới.



Hình 6. Ảnh chụp thẻ BHYT với mã số gồm 10 ký tự (cấp từ ngày 01/4/2024)

[Quốc hội, 2010]. Mã bưu chính tại Việt Nam là các ký tự bao gồm 5 chữ số được gán cho một hoặc một nhóm địa chỉ trong phạm vi Việt Nam [Bộ Thông tin và Truyền thông, 2017]. Như vậy, mã bưu chính quốc gia của Việt Nam được xem là KHPL để phân loại các khu vực địa lý trong lãnh thổ Việt Nam.

Về vị trí: mã bưu chính xuất hiện trên bì thư, bên cạnh địa chỉ cụ thể mà khách hàng cung cấp (Hình 7).



Hình 7. Mã bưu chính trên bì thư (Nguồn: Bộ Thông tin và Truyền thông)

Theo đó, đi kèm với địa chỉ người gửi và người nhận là các mã bưu chính. Trong đó, địa chỉ người nhận và người gửi do khách hàng cung cấp, còn mã bưu chính do đơn vị cung ứng dịch vụ bưu chính thực hiện. Hiện nay, mã bưu chính quốc gia đã được công bố và tra cứu trực tiếp trên website của Bộ Thông tin và Truyền thông tại địa chỉ: <http://mabuuchinh.vn>.

Về ý nghĩa: mã bưu chính đóng vai trò như một tấm bản đồ thu nhỏ, giúp các nhân viên giao bưu cục dễ dàng định vị địa chỉ của khách hàng. Nhờ đó, bưu cục được giao đến địa chỉ của khách hàng một cách nhanh chóng, chính xác và an toàn. Ngoài ra, một số doanh nghiệp cung ứng dịch vụ bưu chính đã và đang thực hiện tự động hóa trong việc phân loại bưu cục nên việc sử dụng mã số bưu chính là rất cần thiết [Tổng công ty Cổ phần Bưu chính Viễn thông Viettel, 2024].

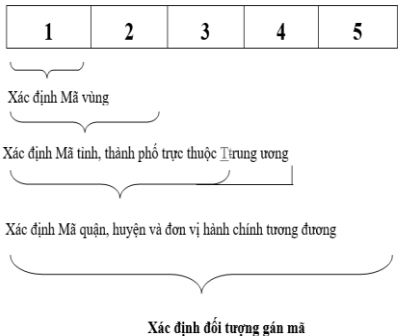
Về tài liệu hướng dẫn: việc tạo lập và sử dụng mã bưu chính quốc gia được quy định tại các văn bản pháp quy sau:

- Luật Bưu chính số 49/2010/QH12 ban hành ngày 17/6/2010.

- Thông tư số 07/2017/TT-BTTTT ban hành ngày 23/6/2017, quy định về mã bưu chính quốc gia.

- Quyết định số 2475/QĐ-BTTTT ban hành ngày 29/12/2017 ban hành mã bưu chính quốc gia.

Về cấu trúc: mã bưu chính quốc gia được quy định tại Điều 5, Thông tư số 07/2017/TT-BTTTT với 05 ký tự số và hướng dẫn nguyên tắc gán mã tại Quyết định số 2475/QĐ-BTTTT. Cấu trúc này được hiện ở Hình 8 dưới đây:



(Phường, xã và đơn vị hành chính tương đương; điểm phục vụ bưu chính thuộc mạng bưu chính công cộng; điểm phục vụ bưu chính và đối tượng phục vụ thuộc mạng bưu chính phục vụ cơ quan Đảng, Nhà nước theo Quyết định của Thủ tướng Chính phủ; Cơ quan đại diện ngoại giao, cơ quan lãnh sự của nước ngoài và cơ quan đại diện của các tổ chức quốc tế tại Việt Nam)

Hình 8. Mô phỏng cấu trúc của mã bưu chính quốc gia (Nguồn: tài liệu đính kèm Quyết định số 2475/QĐ-BTTTT)

Mã bưu chính quốc gia gồm 05 chữ số được kết hợp theo nguyên tắc:

- Ký tự đầu tiên xác định mã vùng. Cả nước được chia thành 10 vùng (đánh số từ 0-9) (Hình 9). Mỗi vùng tối đa không quá 10 tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương.



Hình 9. Bản đồ mã bưu chính quốc gia tại Việt Nam (Nguồn: Bộ Thông tin và Truyền thông)

- Hai ký tự đầu tiên (từ 00 đến 99) xác định mã tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương.

- Ba hoặc bốn ký tự đầu tiên xác định mã quận, huyện và đơn vị hành chính tương đương.

Để làm rõ cấu trúc của mã bưu chính, tác giả phân tích hai mã bưu chính gồm nơi nhận và nơi gửi trên Hình 7:

Mã bưu chính nơi gửi: 21206	Mã bưu chính nơi nhận: 11513	Tài liệu hướng dẫn
2: mã vùng số 2	1: mã vùng số 1	Bản đồ mã bưu chính - Hình 9
21: Cao Bằng	11: Hà Nội	Danh sách mã tỉnh/thành phố trực thuộc Trung ương, Quyết định số 2475/QĐ-BTTTT
2120: Huyện Hà Quảng	115: Quận Đống Đa	
21206: Thị trấn Xuân Hòa	11513: Phường Láng Hạ	Danh sách mã bưu chính Thành phố Hà Nội, Quyết định số 2475/QĐ-BTTTT

Như vậy, mã bưu chính quốc gia được xem là KHPL để phân loại các khu vực địa lý trên lãnh thổ Việt Nam. Mỗi khu vực trên lãnh thổ Việt Nam đều có một mã bưu chính (KHPL) duy nhất. KHPL này thuộc dạng đồng nhất vì chỉ bao gồm các chữ số. Cấu trúc của KHPL là mã bưu chính quốc gia có sự tương đồng với mã thẻ căn cước và mã thẻ BHYT vì

không sử dụng thêm bất cứ trợ ký hiệu nào trong KHPL.

3. THẢO LUẬN VÀ KẾT LUẬN

Dưới đây là bảng đối sánh một số KHPL trong các lĩnh vực bao gồm: TT-TV, An ninh - Trật tự Xã hội, Y tế và Bưu chính Viễn thông được phân tích trong mục 2.

KHPL		Hình thức		Cơ sở tạo lập		
		Ký hiệu chính	Ký hiệu bổ trợ	Căn cứ chính	Căn cứ bổ sung	Trợ ký hiệu
KHPL sách	428	Chữ số		Nội dung (môn loại tài liệu)		
	338.109597	Chữ số	Dấu chấm (.)		Phương diện địa lý	Trợ ký hiệu theo hướng dẫn
	6(07)	Chữ số	Dấu ngoặc đơn ()			
	4(V)(03)	Chữ cái + Chữ số	Dấu ngoặc đơn ()			
Thẻ căn cước	087084000999	Chữ số		- Tỉnh/thành phố nơi đăng ký khai sinh - Giới tính + thẻ kỹ - Năm sinh - Dây số ngẫu nhiên		
Thẻ Bảo hiểm y tế	HC479011107XXXX (trước 01/4/2024)	Chữ cái + chữ số		- Đối tượng tham gia BHYT - Mức hưởng BHYT - Mã tỉnh/thành phố phát hành thẻ BHYT - Mã số định danh người tham gia BHYT		
	0111075590 (sau 01/4/2024)	Chữ số		Mã số định danh người tham gia BHYT		
Mã bưu chính quốc gia	21206	Chữ số		- Mã vùng - Mã tỉnh/thành phố trực thuộc Trung ương - Mã quận/huyện thuộc tỉnh/thành phố - Mã Xã/phường		

Hình 10. Bảng đối sánh hình thức và cơ sở tạo lập KHPL trong một số lĩnh vực

Về hình thức, KHPL của thẻ căn cước, thẻ BHYT mẫu mới và mã bưu chính quốc gia đều là KHPL đồng nhất vì chỉ sử dụng duy nhất chữ số. Trong lĩnh vực TT-TV, tùy vào bảng/khung phân loại mà KHPL có thể là ký hiệu đồng nhất (khung phân loại Dewey), hoặc ký hiệu hỗn hợp (khung phân loại tài liệu dành cho thư viện trường phổ thông). Ngoài ra, KHPL sách trong lĩnh vực TT-TV còn sử dụng các ký hiệu bổ trợ là các dấu như: dấu chấm (.), dấu ngoặc đơn () như phân tích ở trên. Các trợ ký hiệu này không có ý nghĩa nhưng được sử dụng với mục đích làm giảm sự đơn điệu của KHPL theo quy ước của từng bảng/khung phân loại tài liệu cụ thể.

Về cơ sở tạo lập, KHPL của thẻ căn cước, thẻ BHYT mẫu mới và mã bưu chính quốc gia đều rõ ràng trong việc xác định ký hiệu. Cụ thể, các KHPL này đều chia nhỏ KHPL thành các nhóm nhỏ với quy ước rõ ràng, thuận tiện cho việc lựa chọn các ký hiệu. Do vậy, khi nắm được cấu trúc của KHPL (mã số) này, mọi người đều có thể xác định được ý nghĩa

của từng ký hiệu. Tuy nhiên, đối với KHPL trong lĩnh vực TT-TV, việc hiểu được ý nghĩa của từng ký hiệu trong KHPL là rất khó. Mặc dù cơ sở tạo lập KHPL chính là nội dung đối tượng nghiên cứu mà tài liệu đề cập, tuy nhiên tùy vào độ chuyên sâu của nội dung mà các KHPL này được xác định ngắn dài khác nhau. Bên cạnh đối tượng nghiên cứu, các phương diện nghiên cứu bao gồm: phương diện nội dung (đối tượng nghiên cứu được trình bày ở khía cạnh/nội dung nào), phương diện địa lý (đối tượng nghiên cứu có bị giới hạn ở phạm vi địa lý nào), phương diện thời gian (khoảng thời gian mà đối tượng nghiên cứu được xem xét) và phương diện hình thức (hình thức của tài liệu) cũng được xem xét để làm rõ đối tượng nghiên cứu. Do vậy, nếu tài liệu có các phương diện nghiên cứu thì các ký hiệu này sẽ được kết hợp với ký hiệu thể hiện nội dung. Bên cạnh đó, khi tạo lập KHPL cần xem xét trợ ký hiệu trong trường hợp kết hợp đối tượng nghiên cứu với các phương diện nghiên cứu. Cụ thể, khi kết hợp đối tượng

nghiên cứu (338.1- sản xuất nông nghiệp) với phương diện địa lý (597-Việt Nam) thì cần sử dụng ký hiệu bổ trợ (09) vào trước phương diện địa lý theo quy ước của Khung phân loại Dewey để tạo thành KHPL 338.109597. Tuy nhiên, việc sử dụng trợ ký hiệu này phải tùy từng trường hợp chứ không áp dụng cho tất cả các tài liệu khi có phương diện địa lý.

Như vậy, KHPL được sử dụng khá rộng rãi trong các lĩnh vực. Mặc dù ở một số tài liệu, các KHPL này được gọi với các tên gọi khác nhau như mã thể, mã số,... nhưng về bản chất thì đều là các ký hiệu được sử dụng nhằm phân loại các sự vật, hiện tượng hoặc con người. Việc sử dụng KHPL này là rất cần thiết vì dựa vào các quy ước có sẵn, người sử dụng có thể nhận diện các thông tin dựa vào ký hiệu, từ đó có các biện pháp xử lý phù hợp. Tuy nhiên, việc tạo lập KHPL cần có các quy định cũng như hướng dẫn cụ thể. Trong một số lĩnh vực như TT-TV, an ninh - trật tự xã hội, y tế, bưu chính viễn thông đều có các tài liệu hướng dẫn. Đây là một điểm tích cực cho thấy vấn đề phân loại đã được các tổ chức chú trọng. Tuy nhiên, đối với một số lĩnh vực mà đối tượng phân loại rất đa dạng thì việc tạo lập bảng hướng dẫn chi tiết, thậm chí các khung phân loại là rất cần thiết.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Bảo hiểm Xã hội Việt Nam (2015a). Quyết định 1351/QĐ-BHXH ban hành mã số ghi trên thẻ bảo hiểm y tế ban hành ngày 16 tháng 11 năm 2015.
2. Bảo hiểm Xã hội Việt Nam (2015b). Quyết định 1666/QĐ-BHXH ban hành mẫu thẻ bảo hiểm y tế ban hành ngày 03 tháng 12 năm 2020.
3. Bộ Công an (2016). Thông tư số 07/2016/TT-BCA ban hành ngày 01 tháng 02 năm 2016 quy định chi tiết một số điều của Luật Căn cước công dân và Nghị định số 137/2015/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2015 quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật căn cước công dân.
4. Bộ Thông tin và Truyền thông (2017). Thông tư số 07/2017/TT-BTTTT quy định về mã bưu chính quốc gia ban hành ngày 23 tháng 6 năm 2017.
5. Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch (2014). Thông tư 18/2014/TT-BVHTTDL về hoạt động

chuyên môn nghiệp vụ thư viện mới nhất ban hành ngày 08 tháng 12 năm 2014.

6. Chính phủ (2024). Nghị định 70/2024/NĐ-CP hướng dẫn Luật Căn cước mới nhất ban hành ngày 25 tháng 6 năm 2024.

7. Chí Quốc (2023). Thứ trưởng Hoàng Minh Sơn nói gì về tỉ lệ 56% sinh viên làm không đúng ngành khi ra trường? Truy cập ngày 20/02/2025 tại:

<https://tuoitre.vn/thu-truong-hoang-minh-son-noi-gi-ve-ti-le-56-sinh-vien-lam-khong-dung-nganh-khi-ra-truong-20230512191010022.htm>

8. Melvil Dewey (2013). Khung phân loại thập phân Dewey và bảng chỉ mục quan hệ: ấn bản 23. H.: Thư viện Quốc gia Việt Nam.

9. Quốc hội (2008). Luật Bảo hiểm y tế số 25/2008/QH12 ban hành ngày 14 tháng 11 năm 2008.

10. Quốc hội (2010). Luật Bưu chính số 49/2010/QH12 ban hành ngày 17 tháng 6 năm 2010.

11. Quốc hội (2019). Luật Thư viện số 46/2019/QH14 ban hành ngày 21 tháng 11 năm 2019.

12. Quốc hội (2023). Luật Căn cước số 26/2023/QH15 ban hành ngày 27 tháng 11 năm 2023.

13. Quốc hội (2024). Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Bảo hiểm y tế số 51/2025/QH15 ban hành ngày 27 tháng 11 năm 2024.

14. Thủ tướng Chính phủ (2004). Quyết định 124/2004/QĐ-TTg về việc ban hành bảng danh mục và mã số các đơn vị hành chính Việt Nam ban hành 08 tháng 7 năm 2004.

15. Tổng công ty Cổ phần Bưu chính Viễn thông Viettel (2024). Mã bưu chính là gì? Tổng hợp mã bưu chính 63 tỉnh thành. Truy cập ngày 22 tháng 02 năm 2025 tại: <https://viettelpost.com.vn/tin-tuc/bi-kip-trieu-don/ma-buu-chinh-la-gi-tong-hop-ma-buu-dien-63-tinh-thanh/>

16. Vũ Bá Hòa, Lê Thị Chinh, Lê Thị Thanh Hồng (2013). Bảng phân loại tài liệu trong thư viện trường phổ thông. H.: Giáo dục, 2013. - 196tr.; 21cm.

(Ngày Tòa soạn nhận được bài: 5-12-2024;
Ngày phản biện đánh giá: 20-12-2024;
Ngày chấp nhận đăng: 15-01-2025).